

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH LAI CHÂU **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22 /NQ-HĐND

Lai Châu, ngày 08 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT
Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHOÁ XIV, KỲ HỌP THỨ SÁU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015; Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 1916/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán Ngân sách nhà nước năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 2465/QĐ-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước năm 2018;

Sau khi xem xét Báo cáo số 333/BC-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh Lai Châu về tình hình thực hiện kế hoạch vốn Đầu tư công năm 2017 và phân bổ kế hoạch vốn năm 2018; Tờ trình số 2192/TTr-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh dự thảo Nghị quyết về kế hoạch vốn đầu tư nguồn NSNN năm 2018 tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số 541/BC-HĐND ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 như sau:

1. Nguyên tắc phân bổ

1.1. Nguyên tắc chung

Căn cứ nhu cầu và khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công năm 2018, kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020, ưu tiên bố trí vốn cho các dự án theo nguyên tắc:

a) Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước phải đảm bảo góp phần phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển theo Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020, kế hoạch

phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch vốn đầu tư năm 2018 và các quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 03/8/2017 về những nhiệm vụ, giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công; Chỉ thị số 29/CT-TTg ngày 05/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH và dự toán NSNN năm 2018. Việc phân bổ vốn phải tuân thủ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015, Nghị quyết số 139/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn NSNN giai đoạn 2016 - 2020.

c) Danh mục dự án bố trí Kế hoạch năm 2018 phải thuộc danh mục dự án đã được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch trung hạn vốn NSTW (bao gồm cả vốn TPCP) giai đoạn 2016-2020 và đến ngày 30/9/2017 giải ngân đạt từ 30% trở lên so với kế hoạch năm 2017 được giao.

d) Thứ tự ưu tiên bố trí vốn:

- Bố trí vốn để thanh toán tối thiểu 20% số nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn NSTW giai đoạn 2016-2020 còn lại chưa thanh toán.

- Bố trí vốn để thu hồi tối thiểu 20% số vốn ứng trước nguồn NSTW dự kiến thu trong giai đoạn 2016-2020 còn lại chưa thu hồi và không thấp hơn mức trung ương dự kiến thu hồi.

- Bố trí đủ vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài theo kế hoạch trung hạn trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2018.

- Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018 theo tiến độ được duyệt.

- Bố trí cho các dự án khởi công mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư dự án trước 31/10/2017.

- Mức vốn kế hoạch năm 2018 của từng dự án không vượt quá tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2018-2020 còn lại của từng dự án.

1.2. Nguyên tắc riêng: Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương, ngoài các nguyên tắc chung nêu trên, còn phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Bố trí cho lĩnh vực Khoa học - Công nghệ; Giáo dục và Đào tạo đảm bảo không thấp hơn mức vốn trung ương giao.

- Bổ sung, cân đối ngân sách các huyện, thành phố theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước tỉnh

Lai Châu giai đoạn 2016-2020 (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 139/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh khóa XIII).

- Đối với dự án khởi công mới: Ưu tiên bố trí vốn thực hiện các Đề án, Nghị quyết của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và các Chương trình, Kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phải lựa chọn những dự án thật sự cấp thiết của ngành, lĩnh vực và chương trình.

2. Phương án phân bổ

Tổng vốn giao: 2.276.485 triệu đồng, (Trong đó: Thu hồi vốn ứng trước là 103.842 triệu đồng), chi tiết như sau:

2.1. Nguồn vốn Ngân sách địa phương: 769.420 triệu đồng.

a) Vốn Trung ương cân đối theo thời kỳ ổn định: 540.920 triệu đồng.

- Lĩnh vực Khoa học & Công nghệ: 17.850 triệu đồng.

- Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo: 100.000 triệu đồng.

- Phần vốn còn lại: 423.070 triệu đồng.

+ Cân đối NS huyện, thành phố theo tiêu chí, định mức: 126.920 triệu đồng.

+ Các dự án khác do tỉnh quản lý: 296.150 triệu đồng.

b) Vốn thu xổ số kiến thiết: 26.000 triệu đồng.

c) Nguồn vốn thu sử dụng đất: 142.500 triệu đồng.

d) Nguồn tăng thu giữa dự toán địa phương giao và dự toán Trung ương giao: 60.000 triệu đồng (Phân bổ chi tiết sau). Giao UBND tỉnh thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh trước khi Quyết định phân bổ.

2.2. Nguồn vốn đầu tư hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương (vốn trong nước): 301.000 triệu đồng; Hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg: 2.340 triệu đồng; Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ: 544.000 triệu đồng; Vốn ODA (vốn nước ngoài): 350.925 triệu đồng; Nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia: 308.800 triệu đồng.

Giao UBND tỉnh thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh phân bổ chi tiết theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XIV, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh, Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT.

CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hoàn

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NĂM 2017 VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2018
(Kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn Cân đối NSDP năm 2018	Ghi chú
					Số Quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
	TỔNG SỐ					3,480,225	769,420	
I	Trung ương cân đối theo thời kỳ ổn định					3,443,725	540,920	
1.1	Cân đối ngân sách huyện, thành phố						126,920	
(1)	Thành phố Lai Châu						15,652	
(2)	Huyện Tam Đường						12,363	
(3)	Huyện Phong Thổ						18,808	
(4)	Huyện Sìn Hồ						19,465	
(5)	Huyện Mường Tè						17,098	
(6)	Huyện Than Uyên						18,150	
(7)	Huyện Tân Uyên						11,837	
(8)	Huyện Nậm Nhùn						13,547	
1.2	Lĩnh vực Khoa học công nghệ					76,500	17,850	
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2018					76,500	17,850	
1	Nâng cao năng lực của Trung tâm Ứng dụng và chuyển giao công nghệ tỉnh Lai Châu	Tam Đường		2014-2018	1301/30.10.13	39,500	6,750	
2	Mua sắm thiết bị nâng cao năng lực của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Lai Châu	TP Lai Châu		2016-2018	29/30.3.16	37,000	11,100	
1.3	Lĩnh vực Giáo dục đào tạo					266,650	100,000	
a	Các dự án đã phê duyệt quyết toán						5,214	Có biểu chi tiết kèm theo
b	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2018					67,600	13,235	
1	Trường THCS thị trấn Tân Uyên	Tân Uyên	7 phòng bộ môn + nhà đa năng + phụ trợ	2016-2018	37/30.3.16	19,000	3,800	
2	Trường mầm non Hoa Hồng thành phố Lai Châu	TP Lai Châu	10 phòng học, phụ trợ	2016-2018	34/30.3.16	17,800	3,560	
3	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Trung Chải	Nậm Nhùn	08 phòng	2016-2018	41/30.3.16	17,000	3,400	
4	Trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Khum Há	Tam Đường	6p học + 15p bán trú + phụ trợ	2016-2018	38/30.3.16	13,800	2,475	
c	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018					199,050	61,802	
1	Trường THCS xã Phúc Thuận huyện Than Uyên	Than Uyên	Nhà 8 p vấn đáp + 4p bộ môn	2017-2019	97/28.10.16	8,000	2,667	
2	Trường THCS số 1 Mường Kim (điểm bán Ngã Bn) huyện Than Uyên	Than Uyên	Nhà 2 tầng bộ tr các phòng bộ môn, HCQT	2017-2019	98/28.10.16	5,600	1,872	
3	Trường PTDTBT Tiểu học xã Nậm Cắn huyện Tân Uyên	Tân Uyên	Nhà lớp học 12p, nhà hiệu bộ, nhà học sinh bán trú	2017-2019	99/28.10.16	14,950	4,997	
4	Trường Mầm non xã Hồ Mít huyện Tân Uyên	Tân Uyên	Nhà lớp học 2 tầng 4p, nhà bếp + công vụ, phụ trợ	2017-2019	100/28.10.16	8,000	2,674	



STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn Cầu đối NSDP năm 2018	Ghi chú	
					Số Quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			
5	Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non xã Bàn Bò, huyện Tam Đường	Tam Đường	Nhà 2 tầng gồm hiệu bộ + chức năng + 1 phòng học; nhà vệ sinh; nhà bếp, phụ trợ	2017-2019	101/28.10.16	7,500	2,507		
6	Trường mầm non Nậm Loóng Thành phố Lai Châu	TP Lai Châu	Nhà hiệu bộ + chức năng; nhà lớp học 5p. phụ trợ	2017-2019	103/28.10.16	14,500	4,847		
7	Trường PTDTBT THCS xã Nậm Xe, huyện Phong Thổ	Phong Thổ	Nhà lớp học 4p...	2017-2019	105/28.10.16	8,000	2,674		
8	Trường PTDT BT THCS xã Đào Sơn huyện Phong Thổ	Phong Thổ	Nhà lớp học 10p. nhà HS bán trú 1p. phụ trợ	2017-2019	106/28.10.16	10,000	3,343		
9	Nhà lớp học trường PTDTBT THCS xã Lũng Thàng huyện Sìn Hồ	Sìn Hồ	Nhà lớp học 8p + Nhà HS bán trú; nhà bếp phụ trợ	2017-2019	107/28.10.16	10,000	3,343		
10	Trường mầm non xã Nậm Hần, huyện Sìn Hồ	Sìn Hồ		2017-2019	108/28.10.16	9,500	3,176		
11	Trường PTDT bán trú THCS xã Hua Bùn, huyện Nậm Nhùn	Nậm Nhùn	Nhà lớp học 8 p. nhà nội trú 2p + CVGV 2 p. phụ trợ	2017-2019	109/28.10.16	15,500	5,181		
12	Trường Tiểu học số 1 xã Mù Cạ huyện Mường Tè	Mường Tè		2017-2019	110/28.10.16	6,000	2,006		
13	Trường Mầm non số 1 xã Tả Tông huyện Mường Tè	Mường Tè	Nhà lớp học 8p; nhà hiệu bộ + đa năng; nhà bếp ăn; phụ trợ	2017-2019	111/28.10.16	12,000	4,011		
14	Nhà Hiệu bộ Trường Chính trị tỉnh Lai Châu	TP Lai Châu	CT dân dụng III; Svd = 403m ² ; Ss = 1.177m ²	2017-2019	112/28.10.16	9,000	2,374		
15	Trường Trung cấp nghề Dân tộc nội trú tỉnh	TP Lai Châu			146/31.10.16	45,000	11,105		
16	Trường Mầm non Đông Phong Thành phố Lai Châu	TP Lai Châu		2015-2017	104/28.10.16	15,500	5,025		
d	<i>Các dự án khởi công mới năm 2018</i>							19,749	Có biểu chi tiết kèm theo
1.4	Các dự án khác do tỉnh quản lý							3,100,575	296,150
(1)	<i>Các dự án đã phê duyệt quyết toán</i>							3,021	Có biểu chi tiết kèm theo
(2)	<i>Các dự án sử dụng nguồn NSDP</i>							882,276	121,944
e	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2018</i>							309,200	4,560
1	Trụ sở xã Tả Bạ	Mường Tè		2016-2018	30/30.3.16	7,800	1,560		
2	Nâng cấp, cải tạo đường Đào Sơn - Si Lờ Lầu (Đoạn Si Lờ Lầu - Mỏ Si Sơn)	Phong Thổ	43 km		293/20/3/06; 1376/28.10.10	301,400	3,000		
c	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018</i>							573,076	117,384
1	Đường giao thông nông thôn từ Km43 Mường Mỏ đến Nậm Chá xã Mường Mỏ	Nậm Nhùn	32,5 km	2013-2017	1231/25.10.12; 813/2.8.17	300,000	34,151		
	<i>Giai đoạn I</i>						190,000	2,151	
	<i>Giai đoạn II</i>						110,000	32,000	
2	Nâng cấp Báo điện tử tỉnh Lai Châu	TP Lai Châu		2017	127/28.10.16	2,196	878		
3	Đường giao thông đến điểm ĐCĐC Pá Khá xã Tả Tông huyện Mường Tè	Mường Tè	GTNT C. 1,3km	2017	124/28.10.16	3,500	2,100		
4	Trạm y tế xã Mường Than huyện Than Uyên	Than Uyên	Nhà KCB 2 tầng, phụ trợ	2017-2018	113/28.10.16	4,000	2,400		
5	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Nậm Nhùn	Nậm Nhùn		2017	114/28.10.16	5,500	2,200		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn Căn đối NSDP năm 2018	Ghi chú
					Số Quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
6	Trụ sở Thị trấn huyện Mường Tè	Mường Tè		2017-2018	123/28.10.16	5,800	1,130	
7	Nhà công vụ tỉnh Lai Châu	TP Lai Châu		2017-2018	125/28.10.16	14,900	1,410	
8	Trụ sở làm việc ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	TP Lai Châu		2017-2019	126/28.10.16	14,900	2,376	
9	Cầu treo nối bản Nà Cà xã Bình Lư và bản Nà Tâm 2 xã Nà Tâm huyện Tam Đường	Tam Đường		2017-2019	117/28.10.16	9,500	3,744	
10	Đường giao thông bản Pá Chi Tầu đi Hua Chín xã Tả Hứa huyện Thuận Uyên	Thuận Uyên		2017-2019	115/28.10.16	10,000	3,940	
11	Cơ sở làm việc Đồn Công an Năm Ngà, thuộc Công An huyện Mường Tè	Mường Tè		2017-2019	128/28.10.16	10,000	2,868	
12	Cầu bê tông bản Nà Cúng xã Bản Lang huyện Phong Thổ	Phong Thổ		2017-2019	118/28.10.16	13,000	5,122	
13	Đường giao thông vào bản Tả Cu Tý xã Giang Ma huyện Tam Đường	Tam Đường			116/28.10.16	14,500	5,713	
14	Ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng tỉnh Lai Châu	Lai Châu		2017-2019	129/28.10.16	17,280	6,808	
15	Đường Năm Khâm - Háng Lía 2 - Háng Lía 1 huyện Sin Hồ	Sin Hồ	GTNT C. 6,5km	2017-2019	120/28.10.16	20,000	3,940	
16	Tuyến giao thông đến điểm ĐCĐC Mù Su xã Mù Cạ huyện Mường Tè	Mường Tè	GTNT C. 5,5km	2017-2019	122/28.10.16	18,000	7,092	
17	Đường Lũng Thàng - Nặm Lú 1 - Nặm Lú 2 huyện Sin Hồ	Sin Hồ			719/28.10.16	20,000	7,880	
18	Đường liên xã Súng Phái - Thên Sin huyện Tam Đường	Tam Đường			130/28.10.16	25,000	9,849	
19	Đường GTNT đến bản mới chia tách Nặm Tăng, Nặm Cười huyện Nậm Nhùn	Nậm Nhùn			121/28.10.16	30,000	5,910	
20	Đường Nà Ngò - Hua Ngò - Nà Lão xã Nặm Sô huyện Tân Uyên	Tân Uyên			131/28.10.16	35,000	7,873	
(3)	Đối ứng các dự án ODA					469,139	3,124	
a	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2018</i>					<i>269,139</i>	<i>1,124</i>	
1	Dự án giảm nghèo các tỉnh miền núi phía bắc giai đoạn 2 Khoản vay bổ sung (giai đoạn 2015-2018) tỉnh Lai Châu	Các huyện		2015-2018	1772/30.12.2014 8617/BKHDT-KTNN ngày 17/10/16	269,139	1,124	
b	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2018</i>					<i>200,000</i>	<i>2,000</i>	
1	Trồng rừng và bảo vệ rừng phòng hộ đầu nguồn và kết hợp xây dựng CSHT đồng bộ phòng chống lũ, sạt lở đất gia tăng trong bối cảnh biến đổi khí hậu, bảo vệ dân cư một số khu vực trọng điểm huyện Sin Hồ	Sin Hồ		2015-2019	869/12.8.15 873/17.8.17	200,000	2,000	
(4)	Các dự án chuyển tiếp chương trình hỗ trợ cơ mục tiêu từ NSTW sang sử dụng nguồn NNĐP					66,500	10,000	
a	Đầu tư phát triển kinh tế xã hội tuyến biên giới Việt - Trung					66,500	10,000	
a 1	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2018</i>					<i>66,500</i>	<i>10,000</i>	
1	Đường giao thông đến bản Nhóm Pô xã Tả Bạ	Mường Tè	50 hó	2015-2019	1293/29.10.14	66,500	10,000	
(5)	Hỗ trợ đầu tư hệ thống đường nội đồng sản xuất trong vùng chè					119,660	34,295	<i>Hỗ trợ căn cứ NS huyện, thành phố</i>
1	Huyện Tam Đường					19,760	6,095	

STT	Dan h mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn Cân đối NSDP năm 2018	Ghi chú
					Số Quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
2	Huyện Tân Uyên					37,400	8,200	
3	Huyện Thuận Uyên					27,500	7,900	
4	Huyện Sin Hồ					27,500	10,000	
5	TP Lai Châu					7,500	2,100	
(6)	Các dự án đối ứng ODA, đối ứng NSTW và đối ứng các dự án sử dụng nguồn vốn khác KCM trong giai đoạn 2016-2020 cần đối ứng bằng NSDP UBND (tính đã có cum kết)					172,000	8,000	
1	Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn ngân hàng thế giới	Các huyện trong tỉnh				147,000	5,000	
2	Nhà thi đấu TDTT Liên đoàn lao động tỉnh Lai Châu	TP Lai Châu			1718/QĐ-TLĐ ngày 25.10.16	25,000	3,000	
(7)	Các dự án dự kiến sử dụng nguồn ngân sách trung ương nhưng không cần đối ứng vốn					1,391,000	104,766	
1	Trụ sở làm việc Huyện ủy, HĐND, UBND, trung tâm hội nghị văn hóa huyện Nậm Nhùn	Nậm Nhùn			1393/1.10.16	120,000	7,921	
2	Đường quảng trường và Hạ tầng kỹ thuật khu giáo dục, y tế, thương mại - dịch vụ và dân cư thị trấn Nậm Nhùn (giai đoạn II), huyện Nậm Nhùn	Nậm Nhùn			1410/1.10.16	200,000	13,202	
	Trong đó:							
	- Đường Quảng trường (Bao gồm cả cầu Nậm Hắc)	Thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn	Ước độ thi: 1. = 1.127m	2017-2020			9,202	
	- Hạ tầng kỹ thuật khu giáo dục, y tế, thương mại - dịch vụ và dân cư thị trấn Nậm Nhùn (giai đoạn II)						4,000	
3	Tuyến kè chống xói, lở bảo vệ bờ sông biên giới khu vực mốc 18(2) đến mốc 19, xã Ka Lăng, huyện Mường Tè	Mường Tè			142/31.10.16	150,000	11,882	
4	Nâng cấp Đường Nậm Xe - Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ	Phong Thổ			134/31.10.16	100,000	6,601	
5	Đường TT xã Hồ Mít - Suối Lình A - Bản Lầu - Bản Thảo A - Thảo B - K2, Tân Uyên	Tân Uyên			136/31.10.16	100,000	6,601	
6	Nâng cấp đường QL32 - Tre Bò - Sang Ngà - Bản Mường huyện Thuận Uyên	Thuận Uyên			137/31.10.16	80,000	7,921	
7	Hạ tầng thiết yếu của các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung				143/31.10.16	65,000	6,410	
8	Hệ thống thoát nước thành phố Lai Châu	Thành phố			135/31.10.16	90,000	9,242	
9	Đường Hồ Thủy - Bình Lư huyện Tam Đường	Tam Đường			138/31.10.16	115,000	9,242	
10	Đường Tá Phìn - Xã Dề Phìn; Nâng cấp đường Nậm Cuối - Hua Cuối - Nậm Cọ Mông huyện Sin Hồ	Sin Hồ	GIYNN cấp B, L=16,054 Km	2017-2020	140/31.10.16	100,000	9,242	
11	Hạ tầng khu du lịch cao nguyên Sin Hồ (giai đoạn I), huyện Sin Hồ	Sin Hồ			145/31.10.16	90,000	7,921	
12	Hạ tầng khu Khu kinh tế Cửa khẩu Ma Lù Thàng huyện Phong Thổ	Phong Thổ	CT HTKT nhóm C		144/31.10.16	81,000	2,640	
13	Đường từ đôn, trạm biên phòng ra mốc quốc giới phục vụ cho việc tuần tra bảo vệ mốc, huyện Phong Thổ	Phong Thổ			147/31.10.16	100,000	5,941	
(8)	Các dự án khởi công mới năm 2018						11,000	Có biểu chi tiết kèm theo
II	Vốn đầu tư từ nguồn thu XSKT					36,500	26,000	
1	Thành phố Lai Châu						3,000	
a	Dự án khởi công mới 2018						3,000	Có biểu chi tiết kèm theo
2	Huyện Tam Đường					8,000	3,000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	KC-HT	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn Cân đối NSDP năm 2018	Ghi chú
					Số Quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
<i>a</i>	<i>Các dự án chuyển tiếp</i>					8,000	3,000	
1	Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non xã Giang Ma, huyện Tam Đường	Tam Đường			102/28.10.16	8,000	3,000	
3	Huyện Phong Thổ						3,000	
<i>a</i>	<i>Dự án khởi công mới 2018</i>						3,000	Có biểu chi tiết kèm theo
4	Huyện Sin Hồ					5,500	3,000	
<i>a</i>	<i>Dự án dự kiến hoàn thành năm 2018</i>					5,500	1,950	
1	Trạm y tế thị trấn Sin Hồ	Sin Hồ			132/28.10.16	5,500	1,950	
<i>b</i>	<i>Dự án khởi công mới 2018</i>						1,050	Có biểu chi tiết kèm theo
5	Huyện Mường Tè					3,500	3,000	
<i>a</i>	<i>Dự án dự kiến hoàn thành năm 2018</i>					3,500	150	
1	Tu sửa, nâng cấp các trạm y tế xã huyện Mường Tè	Mường Tè			133/28.10.16	3,500	150	
<i>b</i>	<i>Dự án khởi công mới 2018</i>						2,850	Có biểu chi tiết kèm theo
6	Huyện Than Uyên					5,500	3,000	
<i>a</i>	<i>Dự án dự kiến hoàn thành năm 2018</i>					5,500	1,490	
1	Trường PTDT bán trú tiểu học số 2 xã Phúc Than (điểm trung tâm) huyện Than Uyên	Than Uyên			96/28.10.16	5,500	1,490	
<i>b</i>	<i>Dự án khởi công mới 2018</i>						1,510	Có biểu chi tiết kèm theo
7	Huyện Tân Uyên					14,000	3,000	
<i>a</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					14,000	3,000	
1	Trường mầm non số 1 thị trấn Tân Uyên	Tân Uyên	8 phòng + hiệu bộ + phụ trợ	2016-2018	36/30.3.16	14,000	3,000	
8	Huyện Nậm Nhùn						3,000	
<i>a</i>	<i>Dự án khởi công mới 2018</i>						3,000	Có biểu chi tiết kèm theo
9	Số còn lại						2,000	
<i>a</i>	<i>Dự án khởi công mới 2018</i>						2,000	Có biểu chi tiết kèm theo
III	Vấn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất						142,500	
1	Thành phố Lai Châu	TP Lai Châu					56,350	
2	Huyện Tam Đường	Tam Đường					6,300	
3	Huyện Phong Thổ	Phong Thổ					1,400	
4	Huyện Sin Hồ	Sin Hồ					3,150	
5	Huyện Mường Tè	Mường Tè					4,900	
6	Huyện Than Uyên	Than Uyên					9,100	
7	Huyện Tân Uyên	Tân Uyên					14,350	
8	Huyện Nậm Nhùn	Nậm Nhùn					4,200	
9	Ngân sách tỉnh						42,750	
IV	Tăng thu giữa dự toán địa phương giao và dự toán Trung ương giao						60,000	Phần bổ chi tiết sau

DANH MỤC CÁC KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2018

(Kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

DVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Số Quyết định (Ngày, tháng, năm ban hành)	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó NSDP		
	TỔNG SỐ			244,643	234,643	47,159	
A	Trung ương cân đối theo thời kỳ ổn định			187,823	177,823	30,749	
I	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo			113,940	103,940	19,749	
1	Trường PTDTBT TH Bán Hôn huyện Tam Đường	Tam Đường	1294/27.10.2017	10,000	10,000	1,900	
2	Trường PTDTBT Tiểu học xã Tà Mung huyện Than Uyên	Than Uyên	1295/27.10.2017	25,000	25,000	4,750	
3	Trường Tiểu học Tà Hừ xã Hồ Mít, điểm trường Mít Nội huyện Tân Uyên	Tân Uyên	1296/27.10.2017	14,980	14,980	2,846	
4	Trường THCS Quyết Tiến thành phố Lai Châu	TP Lai Châu	1299/27.10.2017	22,000	12,000	2,280	
5	Trường PTDTBTHCS Pa Vây Sừ huyện Phong Thổ	Phong Thổ	1297/27.10.2017	14,980	14,980	2,846	
6	Trường Tiểu học Tủa Sín Chải huyện Sin Hồ	Sin Hồ	1298/27.10.2017	12,000	12,000	2,280	
7	Trường Mầm non số 2 Tà Tông, xã Tà Tông, huyện Mường Tè	Mường Tè	1300/27.10.2017	14,980	14,980	2,847	
II	Các dự án khác do tỉnh quản lý			73,883	73,883	11,000	
1	Nhà tạm giữ công an huyện Mường Tè	Mường Tè	1306/27.10.2017	13,000	13,000	3,000	
2	Nhà ở tập huấn cho cán bộ, chiến sỹ dân quân tự vệ, dự bị động viên	TP Lai Châu	1307/27.10.2017	12,000	12,000	3,000	
3	Công trình phòng thủ tỉnh Lai Châu	Tam Đường, Phong Thổ	99/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	48,882.652	48,882.652	5,000	
B	Nguồn thu xổ số kiến thiết			56,820	56,820	16,410	
	TP Lai Châu						
1	Trường Mầm non Hoa Sen (phân hiệu 2)	TP Lai Châu	1308/27.10.2017	11,660	11,660	3,000	
	Huyện Phong Thổ						
1	Trường Tiểu học Kim đồng xã Bán Lang Huyện Phong Thổ	Phong Thổ	1309/27.10.2017	10,000	10,000	3,000	
	Huyện Sin Hồ						
1	Trạm Y tế xã Pa Tân huyện Sin Hồ	Sin Hồ	1310/27.10.2017	6,500	6,500	1,050	
	Huyện Mường Tè						
1	Tu sửa các trường mầm non huyện Mường Tè	Mường Tè	1311/27.10.2017	9,800	9,800	2,850	

STT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Số Quyết định (Ngày, tháng, năm ban hành)	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
				Tổng số	Trong đó NSDP		
	Huyện Than Uyên						
1	Tu sửa, nâng cấp các trạm y tế xã huyện Than Uyên	Than Uyên	1312/27.10.2017	7,200	7,200	1,510	
	Huyện Nậm Nhùn						
1	Trường mầm non thị trấn Nậm Nhùn (Điểm trường trung tâm)	Nậm Nhùn	1313/27.10.2017	11,660	11,660	3,000	
	Số còn lại						
1	Trường Mầm non Hoa Sen (phần hiệu 2)	TP Lai Châu	1308/27.10.2017			1,000	
2	Trường mầm non thị trấn Nậm Nhùn (Điểm trường trung tâm)	Nậm Nhùn	1313/27.10.2017			1,000	

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN QUYẾT TOÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2018
 (Kèm theo nghị quyết số **22/NQ-HDND** ngày **08** tháng 12 năm 2017 của HDND tỉnh

ĐVT: Đồng

STT	Danh mục các dự án	Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
	TỔNG SỐ	8,233,809,500	
	Lĩnh vực giáo dục và Đào tạo	5,213,360,500	
1	Trường THPT Than Uyên (giai đoạn II) huyện Than Uyên	29,092,000	
2	Trường Mầm non Quyết Thắng Giai đoạn II	9,545,000	
3	Trường THCS Tân Phong thị xã Lai Châu	218,971,000	
4	Trường Cao đẳng cộng đồng tỉnh Lai Châu	4,955,752,500	
	Các dự án khác	3,020,449,000	
1	Nhà khách xã Thu Lũm huyện Mường Tè	289,110,000	
2	Cải tạo, sửa chữa 04 trạm thủy điện: Nậm Sỳ Lương, Nà Hừ, Bản Giăng và Pắc Ta huyện Mường Tè	257,352,000	
3	Đường trung tâm Thu Lũm (Km 19) - A Chè huyện Mường Tè	685,215,000	
4	Trụ sở chi cục thú y, bảo vệ thực vật, khuyến nông huyện Sin Hồ tỉnh Lai Châu	1,650,000	
5	Hạ tầng kỹ thuật và trụ sở làm việc tạm huyện Nậm Nhùn	74,603,000	
7	Các hạng mục phụ trợ trụ sở làm việc huyện ủy huyện Tam Đường	9,233,000	
8	Vườn ươm giống cây Nông, Lâm nghiệp, cây ăn quả xã Sơn Bình huyện Tam Đường	114,265,000	
9	Hạ tầng vườn giống cao su tại khu vực bản Thẩm Phé xã Mường Kim huyện Than Uyên	28,514,000	
10	PABT, HT&TĐC: Khu TĐC bản Tà Làn Than phường Tân Phong	45,000,000	
13	Trạm y tế xã Tà Mung huyện Than Uyên	2,880,000	

STT	Danh mục các dự án	Kế hoạch năm 2018	Ghi chú
14	Trạm kiểm soát liên hợp cửa khẩu U Ma Tu Khoong, huyện Mường Tè	11,389,000	
15	Đường từ bản Pa Thắng ra biên giới Việt Trung	13,440,000	
16	Mua sắm thiết bị phục vụ Trạm kiểm soát liên hợp Ma Lù Thàng	13,568,000	
18	Trung tâm hội nghị văn hóa huyện Phong Thổ	157,438,000	
19	Đường nội thị trung tâm huyện Phong Thổ (giai đoạn III)	33,832,000	
20	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thị trấn Nậm Nhùn huyện Nậm Nhùn	81,135,000	
21	Trạm Y tế xã Nậm Pi huyện Nậm Nhùn	146,782,000	
22	Trụ sở làm việc tòa soạn báo Lai Châu	56,678,000	
23	Trụ sở làm việc hợp khối huyện ủy Tân Uyên	292,428,000	
24	Trung tâm hội nghị văn hóa huyện Tân Uyên	228,757,000	
25	Thủy lợi Nà Cại, xã Mường Khoa, huyện Tân Uyên	106,105,000	
26	Đường Tam Đường - Bản Hòn - Bình Lư (Đoạn San Thàng - Đông Pao) huyện Tam Đường	348,858,000	
27	Chợ thị trấn huyện Sin Hồ	3,217,000	
28	Năng lượng nông thôn II (REII) phần hạ áp	19,000,000	